**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG ( Phần văn)**

- Bổ sung vào vốn hiểu biết về văn học địa phương bằng việc nắm được những tác giả và một số tác phẩm trước hoặc sau năm 1975 sinh sống và làm việc tại Sài Gòn Gia Định (TP HCM)

**…………………………………………………………………………………………**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP, CÁCH DẪN GIÁN TIẾP**

**I. Cách dẫn trực tiếp**:

**1/ Xét ví dụ:**

a. Lời nói của anh thanh niên; ngăn cách bằng dấu hai chấm( :) và đặt trong dấu ngoặc kép( “ “)

b. Ý nghĩ; ngăn cách bằng dấu hai chấm( :) và đặt trong dấu ngoặc kép( “” ).

-> Có thể thay đổi vị trí giữa 2 bộ phận. hai bộ phận ngăn cách với nhau bằng dấu ngoặc kép và dấu gạch ngang

-> Dẫn trực tiếp.

**2/Ghi nhớ: SGK/54**

**II. Cách dẫn gián tiếp**:

**1/ Xét ví dụ**: đoạn trích “ Lão Hạc”

a. Lời nói được dẫn

b. Ý nghĩ được dẫn

🡪 Lời, ý nghĩ không để trong ngoặc kép

 - Thêm “ rằng” hoặc “ là” đứng trước

 - Không trích nguyên văn

-> Dẫn gián tiếp.

**2. Ghi nhớ**: SGK/54

**III/ Luyện tập:**

**Bài 1,2,3 SGK/T 54, 55.**

**…………………………………………………………………………………………**

**TỔNG KẾT TỪ VỰNG**

**Tiết 1:**

**I/ Từ đơn và từ phức**

**II/ Thành ngữ.**

**III/ Nghĩa của từ.**

+ Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.

+ Trong sử dụng từ ngữ, nghĩa đúng vai trò rất quan trọng. Do hiện tượng nhiều nghĩa

mà nghĩa của từ rất đa dạng, phức tạp. Muốn hiểu đúng nghĩa của từ phải đặt trong câu cụ thể. Khi ở trong câu, do sự kết hợp giữa các từ mà mỗi từ được hiểu theo 1 nghĩa duy nhất.

\***Bài tập 2, 3 ( SGK T 123, 124)**

**IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ:**

- Từ nhiều nghĩa là từ có từ 2 nghĩa trở lên.

- Hiện tượng chuyển nghĩa của từ là quá trình mở rộng của từ, hiện tượng đổi nghĩa từ

( Nghĩa đen- nghĩa bóng -> nghĩa gốc, nghĩa chuyển)

**\*Bài tâp 2 ( SGK T 124)**

**V/ Từ đồng âm.**

**VI/ Từ đồng nghĩa.**

**VII/ Từ trái nghĩa.**

**VIII/ Cấp độ khái quát**

**Tiết 2: ( tiếp theo)**

**I/ Sự phát triển của từ vựng**

Các cách phát triển từ vựng

Các cách phát triển từ vựng

PT nghĩa của từ ngữ

PT số lượng từ ngữ

Mượn tiếng nước ngoài

Tạo thêm từ ngữ mới

**\*Bài tập 2, 3 ( SGK T 235)**

**II/ Từ mượn**

Từ mượn: Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài cũng là một cách để phát triển từ vựng Tiếng Việt.

Bộ phận từ mượn quan trọng nhất trong tiếng Việt là từ mượn Hán

\***Bài tập 3 ( SGK T 136)**

**III/ Từ Hán Việt**

Từ Hán Việt: Là từ mượn của tiếng Hán, nhưng được phát âm theo cách của người Việt

**IV/ Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội.**

**V/ Trau dồi vốn từ**

**Bài 3 ( tiếp theo)**

**I/ Từ tượng thanh và từ tượng hình ( tự học)**

**II/ Một số phép tu từ từ vựng:**

So sánh, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.

**\*Bài 2, 3 ( SGK T 128)**

**……………………………………………………………………………………………..**

**ĐỒNG CHÍ**

( Chính Hữu)

**I/ TÌM HIỂU CHUNG**

**1.Tác giả**

- Chính Hữu tên khai sinh là Trần Đình Đắc (1926- 2007) quê ở Hà Tĩnh.

- Ông chủ yếu viết về người chiến sĩ quân đội trong hai cuộc kháng ciến chống Pháp và Mĩ.

**2. Tác phẩm**

- Hoàn cảnh ra đời: Bài thơ được sáng tác vào đầu năm 1948 - sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch VB (Thu-Đông) 1947. Đây là bài thơ tiêu biểu viết về người lính cách mạng của văn học thời kì chống Pháp.

- Thể thơ: Tự do

**II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**

**1. Những cơ sở hình thành tình đồng chí:**

- Tương đồng về hoàn cảnh xuất thân, cùng xuất thân nghèo khó..

 "**Quê hương** **anh > < Làng tôi nghèo** …

 **nước mặn đồng chua >< đất** **cày lên sỏi đá…"**

→ NT: đối, thành ngữ sóng đôi

- Cùng chung nhiệm vụ.

- Cùng chung lí tưởng.

- Cùng chia sẻ ngọt bùi, thiếu thốn.

→ NT: hình ảnh thơ sóng đôi , điệp ngữ.

* Đồng chí!

-> Cội nguồn hình thành tình đồng chí, đồng đội của những anh bộ đội trong thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp -> Khẳng định tình đồng chí thiêng liêng, cao quý.

**2. Những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí:**

- Hiểu, cảm thông sâu xa về nỗi lòng của nhau: chung một nỗi niềm nhớ về quê hương

 *“Ruộng nương …*

 *…. ra lính”*

*-* Sát cánh bên nhau, cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính: bệnh sốt rét rừng, thiếu thốn vật chất, thiên nhiên khắc nghiệt.

- Tay nắm lấy bàn tay -> yêu thương, gắn bó.

→ Sử dụng các câu thơ sóng đôi, tả thực.

→ Cấu trúc ấy đã diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội. Sức mạnh của tình cảm keo sơn gắn bó sâu sắc giữa những người lính giúp họ vượt qua mọi khó khăn thiếu thốn và gian khổ.

\* Chân dung anh bộ đội Cụ Hồ buổi đầu kháng chiến sống gian khổ, thiếu thốn nhưng tình đồng chí sưởi ấm lòng họ.

**3.Ý nghĩa biểu tượng:**

|  |  |
| --- | --- |
| Súng  | Trăng |
| Chiến sĩ | Thi sĩ |
| Gần  | Xa |
| Ý chí chiến đấu | Khát vọng hòa bình |
| Hiện thực khốc liệt | Tâm hồn lãng mạn |

🡪 Hình ảnh “đầu súng trăng treo” là hình ảnh mang tính lãng mạn và hiện thực, thể hiện tâm hồn “thi sĩ” của những người chiến sĩ.

**III. TỔNG KẾT: GHI NHỚ SGK/131**

**…………………………………………………………………………………………**

**BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

 Phạm Tiến Duật

**I/ ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH:**

**1/Tác giả**

- Phạm Tiến Duật (1941 – 2007). Quê quán: Phú Thọ.

- Tiêu biểu cho thế hệ nhà thơ thời chống Mỹ.
- Phong cách thơ : sôi nổi, trẻ trung, tinh nghịch mà sâu sắc.

**2. Tác phẩm**

- Viết vào năm 1969, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt. Bài thơ đạt giải nhất cuộc thi thơ của báo Văng nghệ năm 1969 và được đưa vào tập thơ “Vầng trăng quầng lửa” của tác giả.

- Thể thơ: Tự do

- Nhan đề bài thơ*:* khá dài, lạ, độc đáo -> làm nổi bật rõ hình ảnh toàn bài: những chiếc xe không kính, gợi chất thơ của hiện thực khốc liệt trong chiến tranh.

**II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN**

**1. *Hình ảnh những chiếc xe không kính :***

- Xe có kính -> bom giật, rung -> kính vỡ -> không kính.

- Không đèn, không mui, xước thùng xe

-> Điệp ngữ, hình ảnh độc đáo, rất thực.

-> Dùng động từ mạnh, tả thực, giọng thản nhiên pha chút ngang tàng -> gợi lên hiện thực khốc liệt của chiến tranh.

**2. Hình ảnh những chiến sĩ lái xe.**

- Ung dung.

- Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

- Nhìn:

 + Gió – Xoa mắt đắng.

 + Con đường chạy thẳng vào tim.

 + Sao trời, cánh chim.

-> Điệp từ, liệt kê, đảo ngữ -> **hiên ngang, bình tĩnh, tự tin và chủ động.**

- Không có kính:

 + Ừ thì có bụi – tóc trắng, mặt lấm.

 + Cười ha ha.

 + Ừ thì ướt áo – mưa tuôn, mưa xối.

🡪 Điệp cấu trúc, giọng thơ ngang tàng, tinh nghịch -> **Dũng cảm, tinh thần lạc quan coi thường gian khổ.**

- Bắt tay – qua ô kính vỡ

- Bếp Hoàng Cầm.

- Chung bát đũa... Gia đình.

- Võng mắc chông chênh.

🡪 Hình ảnh tả thực -> **Tình đồng chí đồng đội keo sơn, gắn bó.**

- Trời xanh thêm.

- Một trái tim.

🡪 Ẩn dụ, hoán dụ -> **Ý chí chiến đấu, khát vọng giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.**

**III. TỔNG KẾT: GHI NHỚ SGK/133**